

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 237/2021/DS-PT

Ngày 17-12-2021

V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLPT-DS ngày 02/11/2021 về “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thu T, sinh năm 1962

Trú tại: Ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Bảo Q, sinh năm 1980

Trú tại: Ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Đào Vũ S, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Vũ S, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. *Người làm chứng (do nguyên đơn mời):*

4.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4.2. Ông Trần Bá T1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp Tân Quới Hội, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thu T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thu T trình bày:*

Trước đây, ông nội bà là cụ Trần Văn H1 có để lại cho mẹ bà một phần đất đã có sẵn lối đi. Năm 1967, mẹ của bà T có cho ông H2 (là bác của bà Q) hai bờ đất để ở. Sau giải phóng, ông H2 đã cho lại ông A là cha của bà Q. Năm 1985 - 1986, cha bà Q có đến xin mẹ của bà để dời đường đi xuống đầu bờ đất và làm lối đi cho đến nay. Phần lối đi này nằm trên phần đất mà ông Trần Phạm Ngọc A1 (em bà Q) được ông A cho lại. Gia đình bà đã trăn xi măng khi ông A còn sống. Sau khi ông A chết, chồng bà có trực tiếp sang gặp bà Hồng (là vợ sau của ông A) xin làm hàng rào và trăn xi măng làm thành đường đi như hiện trạng bây giờ và đã sử dụng được khoảng 10 năm. Sau này, ông Ân làm thủ tục tặng cho đất lại cho bà Q và hiện lối đi đang nằm trên phần đất thuộc thửa 470, tờ bản đồ số 21 do bà Q đứng tên quyền sử dụng đất.

Phần lối đi đã được bà làm hàng rào, đồ xi măng, xây cầu đan và sử dụng trước khi bà Q được tặng cho đất, còn việc bà Q về cất nhà và ở thời gian nào thì bà không nhớ. Nhưng vào khoảng tháng 5/2020, bà Q kêu thợ lại đổ cột và rào lại đường đi này. Bà đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết nhưng không có kết quả.

Bà thừa nhận phần lối đi bà đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của bà Q, bà không tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Q. Tuy nhiên, nguồn gốc đất là của ông bà để lại, lối đi đã có từ lâu, nên nay bà yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả lại phần lối đi như trước đây theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 14,8 m<sup>2</sup> vị trí ký hiệu là 470-1, 470-2, 470-3, thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21, tọa lại tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Để đi ra lộ công cộng, bà phải đi qua lối đi mà bà yêu cầu thửa 470 thì còn phải đi qua thửa đất số 43 của bà Phùng Ngọc Uyển. Bà chỉ yêu cầu mở lối đi qua đất của bà Q, đối với việc đi qua đất của bà Uyển thì bà và bà Uyển tự thương lượng thỏa thuận với nhau.

Về kết quả đo đạc, thẩm định, định giá bà đồng ý, không có ý kiến gì. Về các chi phí tố tụng thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Bảo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Vũ S cùng trình bày:*

Nguồn gốc phần đất trước đây là của cha ông A (là cha của bà Q), sau này ông A đã làm thủ tục chia lại cho các con. Phần đất thuộc thửa 470, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre trước là do ông Trần Phạm Ngọc Ân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà Q nhận tặng cho từ ông Trần Phạm Ngọc Ân vào ngày 02/02/2016. Tường rào, nền xi măng và cầu đan là do bà

T tự xây dựng không có hỏi ý kiến và xây dựng trước khi bà Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do diện tích đất ít, nên việc để bà T sử dụng phần lối đi như yêu cầu của bà T là quá lớn, ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của bà Q nên không đồng ý với yêu cầu của bà T. Bà Q đồng ý mở lối đi cho bà T với chiều ngang là 01m, tính từ phần ranh giáp thửa số 43 trở vào, theo kết quả đo đạc thực tế là vị trí được ký hiệu 470-2, 470-3, 470-4 thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21, tọa lại tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà T có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho chúng tôi theo quy định. Về phần hàng rào, nền xi măng bà T phải tự di dời.

Kết quả đo đạc, thẩm định, định giá bà Q, ông S đồng ý, không có ý kiến gì. Về chi phí tổ tụng yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Ông Đào Vũ S là chồng của bà Trần Bảo Q (đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2016).

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng Điều 245; 254 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, 166, 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, khoản 1 Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thu T đối với bà Trần Bảo Q.

- Buộc bà Trần Bảo Q mở cho bà Đặng Thu T phần lối đi có diện tích 6,5m<sup>2</sup> tại vị trí được ký hiệu 470-1(a) diện tích 2,1m<sup>2</sup>, 470-2 diện tích 1,9m<sup>2</sup>, 470-3 diện tích 2,5m<sup>2</sup> (bao gồm các điểm B - I - X - G - D - C - B) theo Họa đồ hiện trạng sử dụng ngày 24/6/2021 và ngày 13/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C, thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có họa đồ kèm theo).

- Hạn chế quyền sử dụng đất của bà Trần Bảo Q đối với phần diện tích làm lối đi bà Đặng Thu T, giới hạn chiều cao lối đi là 04 mét tính từ mặt đất.

- Buộc bà Đặng Thu T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Bảo Q số tiền 5.850.000 (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Đối với bức tường rào xây gạch lửng dưới 0,8 m và trụ bê tông có chiều dài là 6,16 mét (ký hiệu bao gồm các điểm J - K - L - M - G; trong đó điểm K, L, M là trụ bê tông), nền xi măng diện tích 8,3m<sup>2</sup> Tòa án không xét đến, bà Đặng Thu T tự di dời. Trường hợp có phát sinh thiệt hại thì bà T được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

3. Bà Đặng Thu T không yêu cầu giải quyết phần lối đi qua thửa 43, tờ bản đồ số 21 nên Tòa án không xét đến. Trường hợp có tranh chấp khác phát sinh, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2021, nguyên đơn bà Đặng Thu T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Trần Bảo Q giữ nguyên lối đi như trước đây có diện tích 14,8m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà T trình bày: Đất bà yêu cầu mở lối đi có nguồn gốc là của ông nội để lại cho mẹ bà, trên đất có lối đi trên 100 năm nên bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng lối đi cũ. Lối đi cấp sơ thẩm tuyên có đầu ngoài 1,16m, đầu trong 02m không đủ để sử dụng làm lối đi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Lối đi bà T yêu cầu có diện tích 14,8m<sup>2</sup> là không phù hợp bởi lẽ sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của bà Q vì thửa đất của bà Q chỉ có diện tích 99m<sup>2</sup>. Lối đi bà Q đồng ý mở cũng không phù hợp vì có một phần diện tích là nương rãnh. Lối đi do cấp sơ thẩm buộc mở như bản án đã tuyên là phù hợp. Đối với bức tường rào, do cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc bà T di dời tài sản để trả lại hiện trạng sử dụng đất cho bị đơn, đồng thời khi bà T xây dựng bức tường rào đã được gia đình bị đơn đồng ý nên cần buộc bị đơn trả giá trị bức tường theo giá hội đồng đã định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thu T, sửa Bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đối với phần bức tường.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Đặng Thu T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 14,8m<sup>2</sup> tại vị trí ký hiệu 470-1, 470-2, 470-3, thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21, tọa lại tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng, trên lối đi bà T yêu cầu có 01 bức tường rào xây gạch lửng dưới 0,8 m, trụ bê tông có chiều dài là 6,16 mét (ký hiệu bao gồm các điểm J - K - L - M - G; trong đó điểm K, L, M là trụ bê tông), 01 phần cầu đan (bê tông cốt thép) và nền xi măng diện tích 8,3m<sup>2</sup> do bà T xây dựng từ năm 2008 - 2009 và sử dụng đến nay.

[2] Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Q cũng thừa nhận nguyên đơn bà T đã

trán xi măng, xây rào, cầu đan sử dụng đất là lối đi từ khoảng năm 2008, từ khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 đến khi có tranh chấp phía bà Q cũng không có ý kiến gì về việc bà T sử dụng phần đất trên thửa 470 làm lối đi. Ngoài ra, các bên đương sự đều thừa nhận ngoài lối đi qua phần đất thuộc một phần thửa số 470 tờ bản đồ số 21 của bị đơn thì nguyên đơn không còn lối đi nào khác để vào phần đất của mình thuộc thửa số 44 tờ bản đồ số 21. Đồng thời, theo biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 26/02/2021 của Tòa án thì hiện tại phần đất thuộc thửa số 44 tờ bản đồ số 21 đang bị vây bọc, ngoài lối đi qua phần đất thuộc thửa số 470 tờ bản đồ số 21 thì không có lối đi nào khác để ra đường công cộng. Như vậy, lối đi qua phần đất thuộc thửa số 470 tờ bản đồ số 21 là lối đi thuận tiện nhất và ít gây thiệt hại nhất vì lối đi hiện đã có sẵn từ trước đó. Do đó, yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về vị trí mở lối đi:

Bà T yêu cầu mở lối đi nằm trên phần đất có kí hiệu 470-1, 470-2, 470-3. Bị đơn bà Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S chỉ đồng ý mở lối đi cho bà T với chiều ngang là 01m, tính từ phần ranh giáp thửa số 43 trở vào, theo kết quả đo đạc thực tế tại vị trí ký hiệu 470-2, 470-3, 470-4 và yêu cầu bà T có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại theo quy định.

Xét lối đi do bị đơn đồng ý mở trên phần đất có kí hiệu 470-2, 470-3, 470-4 là lối đi không hiện hữu, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận trên lối đi này có 2/3 là mương ranh giáp với thửa 43 nên lối đi này không thuận tiện cho nguyên đơn. Lối đi do Tòa án sơ thẩm buộc mở có diện tích 6,5 m<sup>2</sup> tại vị trí được ký hiệu 470-1(a) diện tích 2,1m<sup>2</sup>, 470-2 diện tích 1,9m<sup>2</sup>, 470-3 diện tích 2,5m<sup>2</sup> (bao gồm các điểm B - I - X - G - D - C - B) theo Họa đồ hiện trạng sử dụng ngày 24/6/2021 và ngày 13/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C, thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21 cũng có một phần kí hiệu 470-2 có 2/3 là mương ranh phải cải tạo, bồi lấp mới có thể tạo thành lối đi nên cũng không thuận tiện để mở lối đi. Trong khi đó, lối đi do nguyên đơn yêu cầu mở là lối đi hiện hữu, có từ lâu, được nguyên đơn đổ xi măng, làm cầu đan, xây tường từ trước khi bà Q về quản lý, sử dụng đất và trong quá trình bà T cải tạo lối đi không có ai tranh chấp. Đồng thời, lối đi nằm trên một góc đất của bà Q nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng đất của bà Q. Do đó, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng lối đi của nguyên đơn là có căn cứ.

Do việc mở lối đi thuộc quyền sử dụng của bà Q gây ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của bà Q nên bà Đặng Thu T có nghĩa vụ đền bù thiệt hại cho bà Q với tỷ lệ 50% giá trị quyền sử dụng đất theo biên bản định giá tài sản ngày 26/02/2021 là 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> x 14,8m<sup>2</sup> x 50% = 7.400.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Đặng Thu T không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thu T;

Sửa Bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 245; 254 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, 166, 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, khoản 1 Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thu T đối với bà Trần Bảo Q về việc tranh chấp quyền về lối đi qua.

Buộc bà Trần Bảo Q mở cho bà Đặng Thu T phần lối đi có diện tích 14,8 m<sup>2</sup> tại vị trí được ký hiệu 470-1 diện tích 10,4m<sup>2</sup>, 470-2 diện tích 1,9m<sup>2</sup>, 470-3 diện tích 2,5m<sup>2</sup> (bao gồm các điểm B - I - J - K - L - M - G - D - B) theo Họa đồ hiện trạng sử dụng ngày 24/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, thuộc một phần thửa 470, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Bảo Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 44;

Phía Đông giáp thửa 43;

Phía Tây, Nam giáp phần còn lại thửa 470 (có họa đồ kèm theo).

Hạn chế quyền sử dụng đất của bà Trần Bảo Q đối với phần diện tích làm lối đi bà Đặng Thu T, giới hạn chiều cao lối đi là 04 mét tính từ mặt đất.

Buộc bà Đặng Thu T có nghĩa vụ đền bù cho bà Trần Bảo Q số tiền 7.400.000 (Bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Đối với bức tường rào xây gạch lửng dưới 0,8 m và trụ bê tông có chiều dài là 6,16 mét (ký hiệu bao gồm các điểm J - K - L - M - G; trong đó điểm K, L, M là trụ bê tông), nền xi măng diện tích 8,3m<sup>2</sup> do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Bà Đặng Thu T không yêu cầu giải quyết phần lỗi đi qua thửa 43, tờ bản đồ số 21 nên Tòa án không xét đến. Trường hợp có tranh chấp khác phát sinh, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trần Bảo Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đặng Thu T chi phí đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ số tiền 1.929.500 (Một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Trần Bảo Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thu T số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004780 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đặng Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000951 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**